

Số: 94/2017/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Châu, ngày 11 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 139/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T; sinh năm: 1977

Trú tại: ấp A, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

* Bị đơn: Bà Lâm Thị N; sinh năm: 1979

Trú tại: ấp A, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1977; trú tại: ấp A, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng và bà Lâm Thị N, sinh năm: 1979; trú tại: ấp A, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng thừa nhận quan hệ chung sống của họ không phải là quan hệ vợ chồng.

* Về con chung: Ông Lê Thanh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thanh K (nam); sinh ngày 16 tháng 4 năm 2000 đến đủ 18 (mười tám) tuổi theo nguyện vọng của cháu K, không yêu cầu bà Lâm Thị N cấp dưỡng

cho cháu K; Bà Lâm Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Tố N (nữ); sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004 đến đủ 18 (mười tám) tuổi theo nguyện vọng của cháu N, không yêu cầu ông Lê Thanh T cấp dưỡng cho cháu N. Dành quyền thăm nom con chung cho ông Lê Thanh T và bà Lâm Thị N, không ai được quyền ngăn cản.

* Về tài sản chung: Ông Lê Thanh T và bà Lâm Thị N đã tự thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Thanh T đồng ý chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005590 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí còn thừa cho ông T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tiền án phí nêu trên, đương sự nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TXVC;
- Chi cục THADS TXVC;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Đua